

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng
giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026
đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 90/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 249/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ
trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất
lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035;*

*Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung một số điều
tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế
quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy
định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ
vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao
đẳng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất
lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến
năm 2030;*

*Xét Tờ trình số 2906/TTr-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí,
định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân
sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng
cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm
2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra số 372/BC-
HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân
dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (sau đây gọi là *Chương trình*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách Nhà nước hằng năm của Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách Trung ương

1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công; Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn thực hiện Chương trình.

2. Không trùng lặp với các chương trình, đề án, nhiệm vụ khác đã được ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

3. Việc phân bổ ngân sách Trung ương bảo đảm phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Chương trình, kế hoạch hằng năm, mức độ ưu tiên, tính cấp thiết của từng nhóm nhiệm vụ, khả năng triển khai thực hiện và giải ngân; tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm, tránh dàn trải.

a) Trường hợp nhu cầu vốn thực tế thấp hơn mức phân bổ theo các tiêu chí, định mức quy định tại Nghị quyết này, cơ quan có thẩm quyền thực hiện phân bổ theo nhu cầu vốn thực tế. Phần vốn chênh lệch còn dư được tổng hợp để điều phối, bổ sung cho các đơn vị có khả năng triển khai, sử dụng vốn hiệu quả hoặc có nhu cầu đầu tư cấp bách, phát sinh đột xuất, ưu tiên giải quyết dứt điểm thực trạng phòng học tạm, phòng học nhờ, mượn trong phạm vi Chương trình.

b) Trường hợp nhu cầu vốn thực tế vượt quá mức phân bổ theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức của Chương trình, sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm tự cân đối, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác, bao gồm ngân sách địa phương, quỹ phát triển hoạt động sự

nghiệp hoặc vốn tự có của đơn vị nhằm bảo đảm hoàn thành toàn bộ quy mô đầu tư của dự án đã được phê duyệt, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

4. Trường hợp có chia tách, sáp nhập cơ sở giáo dục hằng năm trong giai đoạn, việc phân bổ ngân sách Trung ương cho các cơ sở giáo dục mới thực hiện theo nguyên tắc:

a) Đối với các cơ sở giáo dục mới được sáp nhập từ hai cơ sở trở lên, phân bổ ngân sách Trung ương bằng tổng mức vốn đã phân bổ cho các cơ sở trước khi sáp nhập bảo đảm việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động, dự án của Chương trình liên tục, có tính kế thừa, không gián đoạn.

b) Đối với các cơ sở giáo dục mới được chia tách, phân bổ ngân sách Trung ương tương ứng theo các nhiệm vụ, nội dung, hoạt động, dự án được phân chia từ cơ sở trước chia tách cho cơ sở mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Ưu tiên sử dụng ngân sách Trung ương hỗ trợ để:

a) Bố trí vốn cho các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, an toàn khu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên sử dụng vốn để giải quyết tình trạng phòng học tạm, phòng học mượn; hoàn thiện cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục mầm non, phổ thông.

b) Thực hiện các hạng mục công trình cấp bách, thiết yếu; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định, có khả năng giải ngân tốt; các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong kỳ kế hoạch để sớm đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số, định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách Trung ương cho giáo dục mầm non, phổ thông công lập

1. Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ vốn đầu tư công ngân sách Trung ương

a) Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi quản lý Nhà nước

P_{kch} : số lượng phòng học tạm, nhờ mượn, cấp 4 xuống cấp cần phải kiên cố hóa với hệ số trọng số là 1,3.

P_{pcgd} : số lượng phòng học cần đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày với hệ số trọng số là 1,2.

P_{thieu} : số lượng phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo với hệ số trọng số là 1,0.

b) Mức độ khó khăn của địa bàn

Hệ số ưu tiên theo địa bàn K được xác định như sau:

$K = 1,0$: áp dụng đối với địa bàn các phường

$K = 1,2$: áp dụng đối với địa bàn các xã.

2. Phương pháp xác định mức vốn đầu tư ngân sách Trung ương phân bổ cho các xã, phường

a) Cách tính tổng số điểm định mức quy đổi của xã, phường j (T_j)

Tổng số điểm định mức quy đổi của các xã, phường j (T_j) được tính toán dựa trên thực trạng cơ sở vật chất thực tế kết hợp với các hệ số ưu tiên theo địa bàn cụ thể như sau:

$$T_j = [(P_{kch,j} \times 1,3) + (P_{pcgd,j} \times 1,2) + (P_{thieu,j} \times 1,0)] \times K_j$$

b) Vốn đầu tư công ngân sách Trung ương phân bổ cho xã, phường j (V_j) được xác định theo công thức sau:

$$V_j = \left(\frac{T_j}{\sum_{j=1}^n T_j} \right) \times V_D$$

Trong đó:

V_j : vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho xã, phường j trong giai đoạn kế hoạch;

V_D : tổng nguồn vốn đầu tư công ngân sách Trung ương được cấp có thẩm quyền phê duyệt phân bổ cho giáo dục mầm non, phổ thông thuộc phạm vi quản lý Nhà nước cấp xã của Chương trình trong kỳ kế hoạch;

$\sum_{j=1}^n T_j$: tổng số điểm định mức quy đổi của tất cả các xã, phường thuộc đối tượng được ngân sách Trung ương hỗ trợ và thực hiện trên toàn tỉnh.

3. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công ngân sách Trung ương phân bổ cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

Việc phân bổ vốn đầu tư công cho đơn vị cấp tỉnh thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ số lượng cơ sở giáo dục phổ thông trực thuộc phạm vi quản lý theo quy định của cấp có thẩm quyền, thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng cơ sở giáo dục phổ thông, mức độ ưu tiên của từng dự án, tính cấp thiết của từng nhóm nhiệm vụ, đối tượng thụ hưởng, quy mô đầu tư, khả năng triển khai thực hiện và giải ngân; tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm, tránh dàn trải.

4. Định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách Trung ương

Tổng mức vốn đầu tư công ngân sách Trung ương phân bổ cho các xã, phường trong giai đoạn 2026 - 2030 tối thiểu đạt 90% tổng vốn đầu tư công ngân sách Trung ương giao. Tổng mức vốn đầu tư công ngân sách Trung ương phân bổ cho các cơ sở giáo dục phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo trong giai đoạn 2026 - 2030 tối đa đạt 10% tổng vốn đầu tư công ngân sách Trung ương giao.

Điều 5. Tiêu chí và phương pháp phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách Trung ương

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách Trung ương cho từng địa phương để thực hiện Chương trình.

a) Tiêu chí theo quy mô đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người học thuộc đối tượng thụ hưởng của Chương trình

$Q_{\text{đội_ngũ}}$: quy mô đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục là tổng số lượng về nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục thuộc đối tượng bồi dưỡng, tập huấn của Chương trình. Hệ số ưu tiên là 1,3;

$Q_{\text{người_học}}$: quy mô người học là tổng số lượng người học thuộc đối tượng trực tiếp thụ hưởng chính sách của Chương trình. Hệ số ưu tiên là 1,0.

b) Mức độ khó khăn của địa bàn

$H_{\text{địa_bàn}} = 1,0$: áp dụng đối với địa bàn các phường;

$H_{\text{địa_bàn}} = 1,2$: áp dụng đối với địa bàn các xã.

2. Phương pháp xác định kinh phí thường xuyên phân bổ cho xã, phường.

a) Cách tính tổng số điểm định mức quy đổi của xã, phường j ($T_{\text{tx},j}$)

$$T_{\text{tx},j} = [(Q_{\text{đội_ngũ},j} \times 1,3) + (Q_{\text{người_học},j} \times 1,0)] \times H_{\text{địa_bàn},j}$$

b) Kinh phí thường xuyên ngân sách Trung ương phân bổ cho xã, phường j được xác định theo công thức sau:

$$K_{\text{tx},j} = \frac{T_{\text{tx},j}}{\sum_{j=1}^n T_{\text{tx},j}} \times K_{\text{tx}}$$

Trong đó:

$K_{\text{tx},j}$: kinh phí thường xuyên ngân sách Trung ương phân bổ cho xã, phường j trong giai đoạn kế hoạch.

K_{tx} : tổng kinh phí thường xuyên ngân sách Trung ương được cấp có thẩm quyền phê duyệt phân bổ cho xã, phường trong kỳ kế hoạch.

$\sum_{j=1}^n T_{\text{tx},j}$: tổng số điểm định mức quy đổi của tất cả các xã, phường được ngân sách Trung ương hỗ trợ và thực hiện trên toàn tỉnh.

3. Kinh phí thường xuyên ngân sách Trung ương bố trí cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh để thực hiện Chương trình được xác định căn cứ các tiêu chí sau:

a) Nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao chủ trì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khả năng thực hiện của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp xã, nhiệm vụ thuộc các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí trong dự toán ngân sách Nhà nước hằng năm.

c) Khối lượng nhiệm vụ chi, nội dung chi, định mức chi, chế độ chi tiêu hiện hành, tiến độ thực hiện và dự toán ngân sách Trung ương hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả giải ngân vốn các năm trước liền kề và đến thời điểm ngày 30 tháng 8 hằng năm.

4. Định mức phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách Trung ương

Tổng kinh phí thường xuyên ngân sách Trung ương phân bổ cho các xã, phường trong giai đoạn 2026 - 2030 tối thiểu đạt 70% tổng kinh phí thường xuyên ngân sách Trung ương giao. Tổng kinh phí thường xuyên ngân sách Trung ương phân bổ cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030 tối đa đạt 30% tổng kinh phí thường xuyên ngân sách Trung ương giao.

Điều 6. Nguyên tắc bố trí vốn và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Việc bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình phải bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và Luật Đầu tư công; đúng mục tiêu, nội dung của Chương trình gắn với khả năng cân đối ngân sách của địa phương; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch và không trùng lặp với các nguồn vốn khác.

2. Tổng vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình được bố trí tối thiểu bằng 12,91% tổng số vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 8 năm 2026 và được áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026 - 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVIII, kỳ họp thứ 6 (chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phan Thăng An

